

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM MỸ  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/09/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thùy Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Hồ Viết Ân**

2/ Ông **Bùi Hoàng Lâm**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Thái Học**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 09 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2024/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 08 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 08 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1984.

ĐKTT: tổ F, ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: số H, đường số G, ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai

- *Bị đơn*: anh Võ Văn Đ, sinh năm: 1982.

ĐKTT và nơi cư trú: tổ F, ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện, chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Võ Văn Đ tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai vào ngày 13/11/2009. Đây là hôn nhân lần đầu của anh chị. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày, anh Đ thường say xỉn chửi bới vợ con, từ tháng 01/2024 đến nay vợ chồng đã

sống ly thân. Nay nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hòa giải đoàn tụ, nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Võ Văn Đ.

Về con chung: Anh chị có con chung là cháu Võ Thị Kim D, sinh ngày 16/08/2010. Nay chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Võ Thị Kim D và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị T trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Võ Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện C, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành pháp luật và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn chưa chấp hành đầy đủ và vắng mặt không có lý do, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Về đường lối giải quyết: áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Võ Văn Đ; về con chung: giao cháu Võ Thị Kim D, sinh ngày 16/08/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: chị T khai không có, không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí sơ thẩm: theo quy định pháp luật.

Kiến nghị khắc phục: không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Ngọc T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với anh Võ Văn Đ. Anh Đ có đăng ký thường trú và nơi cư trú tại tổ F, ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Nên căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Võ Văn Đ tự nguyện chung sống và được UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết

hôn số 151 ngày 13/11/2009, nên xác định là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ:

Theo trình bày của nguyên đơn trong quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày, anh Đ thường say xỉn chửi bới vợ con. Anh Võ Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, hòa giải, xét xử, nhưng đều vắng mặt không có lý do, không có lời trình bày, chứng tỏ anh Đ không muốn hòa giải để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Từ đó xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

- Về con chung: Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Võ Thị Kim D, sinh ngày 16/08/2010 và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy cháu D có nguyện vọng được ở cùng mẹ, bản thân chị T cũng có việc làm, thu nhập ổn định. Anh Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh không đến Tòa án để làm việc nên không có lời khai về vấn đề này. Do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị T.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Đ không có lời khai về việc này, nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Võ Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Võ Thị Kim D, sinh ngày 16/08/2010 cho chị Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Võ Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Võ Văn Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị T đã nộp sang án phí theo biên lai thu tiền số 0012070 ngày 02 tháng 04 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã Xuân Hiệp, h Xuân Lộc, t Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Thị Thùy Trang**